

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**



**NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**

**HỆ THỐNG KIỂM SOÁT  
SỰ MINH BẠCH THÔNG TIN TÀI CHÍNH CÔNG BỐ  
CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kế toán**

**Mã số: 62.34.30.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Tp.Hồ Chí Minh - Năm 2010**

Công trình được hoàn thành tại  
**Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học:

**PGS. TS Võ Văn Nhị.**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà nước họp tại Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh vào lúc ..... giờ.....ngày..... tháng ..... năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện quốc gia hoặc thư viện Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

- 1 Nguyễn Đình Hùng (2006), *Internal Control over Financial Statement of Listed Company*, Economic Development Review 138, pp 12:13.
- 2 PGS. TS Võ Văn Nhi, Th.S Nguyễn Đình Hùng (2009), *Trách nhiệm xã hội và vấn đề trình bày chỉ số đánh giá trách nhiệm xã hội trên báo cáo thường niên của công ty niêm yết tại Việt nam*, Tạp chí Phát triển kinh tế số 230, trang 41:45.
- 3 PGS. TS Võ Văn Nhi, Th.S Nguyễn Đình Hùng (2009), *Quản trị công ty và sự minh bạch thông tin tài chính của công ty niêm yết*, Tạp chí kế toán số 81, trang 24:26.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong giai đoạn nền kinh tế thế giới đang lâm vào khủng hoảng bắt nguồn từ hệ thống tài chính thì sự minh bạch của các thông tin trên báo cáo tài chính là rất cần thiết. Bên cạnh đó sự minh bạch thông tin tài chính là một trong những tiêu chuẩn chất lượng ưu tiên hàng đầu mà những thay đổi trong quá trình soạn lập và công bố báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán cần đạt đến. Vì vậy, việc nghiên cứu về các thành phần và cơ chế ảnh hưởng đến sự minh bạch có tính cấp thiết không chỉ với tình hình hiện tại mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với thị trường chứng khoán Việt nam để góp phần ngày càng tạo ra sự minh bạch và bền vững của thị trường.

### 2. Tổng quan những nghiên về hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố

Những nghiên cứu trên thế giới trước đây liên quan đến đề tài chủ yếu là những nghiên cứu riêng lẻ về sự minh bạch thông tin tài chính và các nhân tố ảnh hưởng đến sự minh bạch thông tin tài chính mà chưa có nghiên cứu nào chỉ ra hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết.

Trong nước hiện chưa có nghiên cứu khoa học chính thức được công bố về hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính mà chỉ đề cập đến vai trò và sự công bố thông tin tài chính.

### 3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu

#### 3.1 Mục đích nghiên cứu

Khái quát và hệ thống những vấn đề liên quan đến kế toán và vai trò của thông tin kế toán đối với người sử dụng, lý thuyết về quá trình xử lý dữ liệu trong kế toán, chuỗi cung ứng báo cáo tài chính, khái niệm và vai trò của sự minh bạch thông tin tài chính để làm cơ sở để tìm ra khoảng trống trong nghiên cứu, lý luận về hệ thống kiểm soát và sự minh bạch thông tin tài chính công bố.

Khảo sát thực trạng về các thành phần ảnh hưởng đến sự minh bạch thông tin tài chính và sự minh bạch thông tin tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam để làm cơ sở đề xuất một hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố phù hợp với những thông lệ thế giới và môi trường kinh doanh, pháp lý tại Việt nam.

#### **4. Phạm vi nghiên cứu**

Thông tin tài chính công bố được xem xét dưới góc độ các thông tin trên các báo cáo tài chính của các công ty niêm yết. Sự minh bạch thông tin tài chính chỉ xem xét ở mức độ các công ty.

Đối tượng khảo sát là các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các thông tin tài chính công bố được lấy từ các báo cáo cho năm tài chính 2007 và 2008.

#### **5. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luận án**

##### **5.1 Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố.

##### **5.2 Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng phương pháp phân tích các khái niệm, kết quả của các nghiên cứu trước nhằm đưa đến giả thiết nghiên cứu, trên cơ sở

đó sử dụng suy luận, quy nạp để đề ra mô hình nghiên cứu. Phương pháp thống kê mô tả và tương quan được sử dụng để phân tích các dữ liệu thứ cấp thu thập được trong quá trình nghiên cứu.

## **6. Đóng góp về mặt khoa học và thực tiễn của luận án**

### **6.1 Về mặt lý luận**

- Tổng hợp, phân tích và trình bày một cách hệ thống về quá trình xử lý dữ liệu thành thông tin trong kế toán; chuỗi cung ứng báo cáo tài chính; khái niệm, vai trò của sự minh bạch thông tin tài chính và các thước đo sử dụng để đo lường sự minh bạch thông tin tài chính.
- Đề ra và chứng minh về các thành phần, cơ chế hoạt động của hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết.

### **6.2 Về mặt thực tiễn**

- Phân tích và đánh giá hiện trạng hệ thống kiểm soát và sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam. Trên cơ sở đó đề xuất mô hình và đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm tổ chức và vận hành hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố phù hợp với thực tế tại Việt nam.

## **7. Kết cấu luận án**

Luận án gồm 180 trang, 26 bảng, 11 sơ đồ, 05 biểu đồ, 04 hình vẽ và 09 Phụ lục. Ngoài phần mở đầu, kết luận luận án được tổ chức thành 03 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về kế toán và sự minh bạch thông tin tài chính

**Chương 2:** Thực trạng các thành phần tác động đến sự minh bạch và sự minh bạch thông tin tài chính công bố tại Việt Nam

**Chương 3:** Xây dựng hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết

## **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN VÀ SỰ MINH BẠCH THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

### **1.1 Kế toán và nhu cầu sử dụng thông tin tài chính trong nền kinh tế**

#### **1.1.1 Định nghĩa kế toán**

Có nhiều quan điểm khác nhau về kế toán, tuy nhiên quan điểm xem kế toán là một hệ thống được sử dụng phổ biến. Các định nghĩa về kế toán dựa trên quan điểm này bao gồm định nghĩa của Hiệp hội kế toán Hoa kỳ (AAA) 1996, Luật kế toán Việt nam số 03/2003/QH11...Xét trên quan điểm hệ thống, thông tin tài chính mà người sử dụng nhận được là kết quả của quá trình xử lý dữ liệu trong kế toán hay còn gọi là quá trình soạn lập và công bố báo cáo tài chính.

#### **1.1.2 Nhu cầu sử dụng thông tin tài chính trong nền kinh tế**

Mục tiêu của báo cáo tài chính là cung cấp thông tin về tình trạng tài chính, thành quả thực hiện, dòng lưu chuyển tiền và những thay đổi trong tình trạng tài chính của một tổ chức, các thông tin này hữu ích cho nhiều người sử dụng trong việc tiến hành ra các quyết định kinh tế.

Các đối tượng quan tâm và thường sử dụng thông tin trên các báo cáo tài chính của một công ty niêm yết bao gồm bốn (04)

nhóm: *Nhà quản lý, Nhà đầu tư, Các cơ quan quản lý thị trường chứng khoán, Các bên có liên quan khác.*

## **1.2 Hệ thống thông tin kế toán**

Kế toán được xem như là một hệ thống thuộc hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp, hệ thống này chứa đựng quá trình chuyển đổi các sự kiện kinh tế (các giao dịch kế toán) thành các thông tin hữu ích (báo cáo) và sử dụng các kiểm soát nội bộ nhằm giới hạn ảnh hưởng của môi trường bên ngoài vào hệ thống.

## **1.3 Quá trình xử lý dữ liệu trong kế toán**

Trên cơ sở tập hợp và so sánh các kết quả nghiên cứu trước đây, chúng tôi thống nhất quá trình xử lý dữ liệu thành thông tin trong kế toán được chấp nhận phổ biến bao gồm bốn (04) giai đoạn:

### **1.3.1 Thu thập dữ liệu**

Khi các sự kiện kinh tế xảy ra có liên quan đến doanh nghiệp, các dữ liệu về các sự kiện này được hệ thống thông tin kế toán thu thập lại. Các bước tiến hành trong giai đoạn này bao gồm: *Phân tích giao dịch, Đo lường và tính toán, Lập chứng từ, Kiểm duyệt và hiệu chỉnh chứng từ.*

### **1.3.2 Xử lý dữ liệu**

Giai đoạn này được tiến hành nhằm tạo ra các dữ liệu có tính liên kết, đầy đủ và phù hợp với các yêu cầu khai thác dữ liệu phục vụ nhu cầu quản lý. Nếu xử lý thủ công, giai đoạn này bao gồm các bước tiến hành theo trình tự như sau: *Phân loại, Ghi chép, Tổng hợp và Kết hợp.*



### **1.3.3 Quản lý dữ liệu**

Quản lý dữ liệu bao gồm các công việc: *Lưu trữ, Truy vấn* và *Xóa bỏ*

### **1.3.4 Kết xuất thông tin theo yêu cầu**

Tùy theo nhu cầu của các đối tượng sử dụng, các thông tin sẽ được kết xuất làm cơ sở cho các quyết định của người sử dụng. Quá trình này bao gồm các bước: *Biên dịch, Sắp xếp, Định dạng* và *Trình bày*

## **1.4 Chuỗi cung ứng báo cáo tài chính**

Thông qua quá trình xử lý dữ liệu thành thông tin trong kế toán, các báo cáo tài chính được hình thành, tuy nhiên không dừng lại ở đó các báo cáo này được truyền đạt đến các đối tượng quan tâm khác nhau thông qua các kênh phân phối thông tin. Song song quá trình đó, tồn tại những cơ chế kiểm soát giúp cho các thông tin trên báo cáo được phản ánh trung thực và hợp lý so với nguyên mẫu kết quả của các sự kiện kinh tế phát sinh trong kỳ của tổ chức. Toàn bộ quá trình này được tập hợp và tổ chức thành chuỗi cung ứng báo cáo tài chính.

Theo mô hình của Maciej Piechocki và Carsten Felden (2008) dựa trên công nghệ XBRL, chi tiết các thành phần của chuỗi cung ứng báo cáo tài chính bao gồm:

### **1.4.1 Dữ liệu**

Là thành phần cơ bản của chuỗi cung ứng, bao gồm các con số, ký tự mô tả về các sự kiện kinh tế đã xảy ra và ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức.

### **1.4.2 Chức năng**

Đề cập đến các công việc được tiến hành trong quá trình từ lúc tiếp nhận dữ liệu cho đến khi báo cáo tài chính được đưa đến người sử dụng. Bao gồm: *Quá trình xử lý dữ liệu* và *Quá trình soạn lập và công bố báo cáo tài chính*:

### **1.4.3 Nhân lực**

Đề cập đến các đối tượng tham gia vào chuỗi cung ứng báo cáo tài chính và vai trò của họ trong từng chức năng đã xác định. Vai trò của các đối tượng tham gia vào chuỗi cung ứng báo cáo tài chính được tập hợp thành năm (05) nhóm: (1)*Chịu trách nhiệm*, (2)*Trách nhiệm giải trình*, (3)*Hỗ trợ*, (4)*Tư vấn*, (5)*Được thông báo*.

### **1.4.4 Hệ thống**

Mô tả các thành phần giao tiếp của việc truyền đạt các thông tin tài chính đến người sử dụng. Thành phần hệ thống trong chuỗi cung ứng báo cáo tài chính bao gồm các thành phần: *kênh thông tin*, *phương tiện truyền đạt* và *định dạng dữ liệu điện tử*.

Tóm lại, chuỗi cung ứng báo cáo tài chính đề cập đến các đối tượng, quá trình liên quan đến sự chuẩn bị, phê duyệt, kiểm toán, phân tích và sử dụng các báo cáo tài chính. Tất cả các thành phần trong chuỗi liên kết vững chắc với nhau để cung cấp báo cáo tài chính đạt chất lượng.

### **1.4.5 Các vấn đề tồn tại trong chuỗi cung ứng báo cáo tài chính**

Vấn đề tồn tại lớn nhất và bao trùm trong chuỗi cung ứng báo cáo tài chính hiện nay là phải xác định các thành phần và cơ

chế phối hợp vận hành của một hệ thống kiểm soát nhằm giúp loại trừ và giảm thiểu ảnh hưởng của các tổn tại hiện có đến chất lượng thông tin tài chính.

## **1.5 Sự minh bạch thông tin tài chính**

### **1.5.1 Khái niệm**

Sự minh bạch thông tin tài chính có thể xem là sự sẵn có của các thông tin tài chính cho người sử dụng. Sự sẵn có của thông tin tài chính được thể hiện qua các đặc tính chất lượng của thông tin tài chính bao gồm: sự kịp thời, sự thuận tiện, sự chính xác, sự đầy đủ và sự nhất quán.

### **1.5.2 Vai trò của minh bạch thông tin tài chính**

*Dưới góc độ người sử dụng*, minh bạch thông tin tài chính mang đến niềm tin và sự bảo vệ, đồng thời giúp đưa ra các quyết định hợp lý và hiệu quả. *Dưới góc độ công ty*, minh bạch thông tin tài chính giúp cho các công ty giảm bớt các rủi ro, gian lận tài chính, gia tăng giá trị và giảm chi phí sử dụng vốn thông qua việc thâm nhập vào các thị trường vốn quốc tế để tìm các nguồn vốn giá rẻ. *Dưới góc độ thị trường*, minh bạch thông tin tài chính sẽ giúp giá chứng khoán phản ánh đúng giá trị nội tại mà đây chính là đặc trưng của thị trường hiệu quả và bền vững.

### **1.5.3 Đo lường sự minh bạch thông tin tài chính**

Sự minh bạch được xem là sự sẵn có của thông tin nên sự minh bạch có thể đo lường bằng mức độ công bố thông tin, nếu mức độ công bố thông tin càng cao thì sự minh bạch thông tin càng rõ và ngược lại. Theo quan điểm này các nghiên cứu trước đây thường sử dụng chỉ số của một số tổ chức như CIFAR, Standard &

Poors và AIMR-FAF. Một số quốc gia cũng tự xây dựng những hệ thống đánh giá hoặc xếp hạng về sự minh bạch và công bố thông tin của các công ty niêm yết. Đài Loan là một ví dụ điển hình, họ sử dụng hệ thống xếp hạng về sự minh bạch và công bố thông tin (ITDRS) từ năm 2003.

Tóm lại, để đo lường sự minh bạch thông tin tài chính các nghiên cứu trước đây thường sử dụng các thông tin được công bố trên các báo cáo tài chính làm biến đo lường mức độ của sự minh bạch.

### **1.6 Hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính**

Hiện chưa có công trình nào trên thế giới cũng như trong nước đề cập đến khái niệm và nội dung của hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính nói chung và thông tin tài chính công bố nói riêng. Các công trình nghiên cứu trước đây chỉ đề cập đến sự minh bạch thông tin tài chính và các thành phần ảnh hưởng đến sự minh bạch thông tin tài chính. Tổng hợp về các thành phần ảnh hưởng đến sự minh bạch bao gồm các thành phần: Hệ thống chuẩn mực kế toán, Quản trị công ty (quy định liên quan đến công bố báo cáo tài chính), Hệ thống kiểm soát nội bộ, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kiểm toán độc lập

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Qua nội dung các cơ sở lý luận về chuỗi cung ứng báo cáo tài chính và sự minh bạch thông tin tài chính, đã cho thấy được các lỗ hổng về kiểm soát chất lượng thông tin, khoảng cách giữa sự mong đợi của người sử dụng và người cung cấp về chất lượng

thông tin trên các báo cáo tài chính. Qua đó cũng xác định được 06 thành phần ảnh hưởng đến sự minh bạch thông tin tài chính làm cơ sở cho các khảo sát và xây dựng mô hình hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố trong các chương tiếp theo.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÁC THÀNH PHẦN TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ MINH BẠCH VÀ SỰ MINH BẠCH THÔNG TIN TÀI CHÍNH CÔNG BỐ CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM.**

### **2.1 Đánh giá chung về sự minh bạch thông tin tài chính công bố trên thị trường chứng khoán Việt nam**

Ba đặc điểm chính về sự minh bạch và kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết Việt Nam bao gồm: *Sự minh bạch thông tin tài chính công bố ở mức độ kém; Các công ty niêm yết còn chưa chủ động tạo sự minh bạch thông tin và Hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố chưa đầy đủ.*

### **2.2 Kết quả khảo sát thực trạng các thành phần tác động đến sự minh bạch thông tin tài chính công bố tại Việt nam**

Trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi tiến hành chọn các thành phần sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự minh bạch thông tin tài chính công bố, bao gồm:

- Hệ thống chuẩn mực kế toán và các quy định liên quan đến công bố báo cáo tài chính: vì dựa trên hai thành phần này xác

định các đặc tính chất lượng cho sự minh bạch thông tin tài chính.

- Hệ thống kiểm soát nội bộ, ban giám đốc, ban kiểm soát và kiểm toán độc lập: vì các thành phần này tham gia và chi phối đến chất lượng của quá trình xử lý dữ liệu kế toán.

Chúng tôi tiến hành khảo sát về các thành phần tác động đến sự minh bạch thông tin tài chính công bố dưới các góc độ sau:

- *Hệ thống các văn bản pháp luật:*
- *Kết quả các công trình nghiên cứu, quan điểm, nhận định chuyên gia:*
- *Khảo sát thực tế:*

Về mẫu dùng khảo sát các thông tin công bố trên các báo cáo tài chính và báo cáo thường niên, chúng tôi lựa chọn danh sách 154 công ty và chứng chỉ quỹ trong số 187 công ty và chứng chỉ quỹ niêm yết đến ngày 30/10/2009. Số công ty được lựa chọn có thời điểm niêm yết từ ngày 18/07/2000 đến ngày 22/12/2008.

Các kết quả khảo sát chi tiết như sau:

### **2.2.1 Hệ thống chuẩn mực kế toán**

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam đã hòa hợp một phần với hệ thống chuẩn mực quốc tế, các chuẩn mực kế toán mới được ban hành cùng với sự xuất hiện của các giao dịch kinh tế mới phát sinh trên thị trường chứng khoán nên đảm bảo sự đầy đủ và chính xác của các thông tin tài chính có liên quan đến các loại giao dịch mới này. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại và góp phần vào cải thiện sự minh bạch của các công tin tài chính công bố theo thời gian.

### **2.2.2 Quy định liên quan đến công bố báo cáo tài chính**

Các quy định liên quan đến công bố báo cáo tài chính hiện của Việt nam hiện nay là khá đầy đủ và chi tiết. Tuy nhiên, vẫn chưa có cơ quan giám sát thường xuyên và những chế tài tương ứng nên việc tuân thủ các quy định này vẫn chưa được thực hiện tốt và chưa khuyến khích các công ty tự nguyện công bố báo cáo tài chính.

### **2.2.3 Hệ thống kiểm soát nội bộ**

Nhận thức về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính trong các công ty Việt nam còn chưa rõ ràng và các nhà quản lý của các công ty cũng chưa ý thức được về vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc ngăn ngừa, phát hiện và kiểm soát các rủi ro đối với báo cáo tài chính. Chính vì vậy những lỗ hổng về kiểm soát trong quá trình soạn lập báo cáo tài chính vẫn tồn tại và tạo nên các chênh lệch số liệu kế toán và ảnh hưởng đến sự minh bạch thông tin tài chính.

### **2.2.4 Ban giám đốc**

Trong khi các văn bản pháp luật chưa đề cập rõ ràng đến vai trò của Ban giám đốc đối với sự minh bạch thông tin tài chính thì việc toàn bộ các công ty đều có cam kết của Ban giám đốc về báo cáo tài chính là một đặc điểm tốt cho sự minh bạch thông tin tài chính công bố. Tuy nhiên, với tỷ lệ ít các công ty có thành viên độc lập và báo cáo phân tích, đánh giá tình hình tài chính của Ban giám đốc cho thấy ý thức và tác động của Ban giám đốc về sự minh bạch thông tin tài chính công bố còn kém. Mối tương quan giữa số lượng, tỷ lệ thành viên độc lập với biến đại diện cho sự minh bạch

đó là tính kịp thời của báo cáo tài chính được xác định đó là nếu Ban giám đốc có số lượng lớn các thành viên và có càng nhiều các thành viên độc lập từ bên ngoài thì sự minh bạch thông tin tài chính càng cao.

### **2.2.5 Kiểm toán độc lập**

Kiểm toán độc lập tại Việt nam tuy còn nhiều hạn chế về khuôn khổ pháp lý, phương pháp nghiệp vụ nhưng cũng đã góp phần lớn trong việc tạo ra sự minh bạch thông tin tài chính công bố trên thị trường chứng khoán Việt nam trong những năm qua. Thành phần kiểm toán có mối quan hệ mật thiết với sự minh bạch báo cáo tài chính thông qua mức độ chính xác của thông tin tài chính công bố, nếu báo cáo tài chính có kiểm toán thì mức độ minh bạch càng cao và ngược lại.

### **2.2.6 Ban kiểm soát**

Mối tương quan giữa các đặc điểm của Ban kiểm soát với sự minh bạch thông tin tài chính đã được xác định thông qua kết quả phân tích, tuy chưa thật rõ ràng nhưng cho thấy các công ty có Ban kiểm soát có các thành viên độc lập, các thành viên có chuyên môn, trưởng ban có trình độ chuyên môn và các thành viên có trình độ đại học chiếm tỷ lệ cao sẽ làm gia tăng sự minh bạch báo cáo tài chính thông qua sự đánh giá chấp nhận về sự trung thực và hợp lý của kiểm toán độc lập. Bên cạnh đó sự tích cực trong việc tuân thủ các quy định pháp luật về lập và hoạt động của Ban kiểm soát cũng góp phần làm gia tăng sự minh bạch báo cáo tài chính của các công ty niêm yết tại Việt nam.



## **2.3 Kết quả khảo sát thực trạng sự minh bạch thông tin tài chính công bố**

### **2.3.1 Các biến đại diện sự minh bạch thông tin tài chính**

Theo kết quả phân tích trong Chương 1, thông tin tài chính được xem là minh bạch nếu thông tin đó đáp ứng được các đặc tính chất lượng sau: sự kịp thời, sự thuận tiện, sự chính xác, sự đầy đủ, và sự nhất quán.

### **2.3.2 Kết quả khảo sát**

#### **2.3.2.1 Sự kịp thời**

Ngày hoàn tất báo cáo năm trung bình dưới 90 ngày cho cả năm 2007, 2008. Ngày công bố báo cáo tài chính trung bình vượt 110 ngày. Khoảng thời gian giữa thời điểm hoàn tất báo cáo tài chính năm so thời điểm công bố báo cáo thường niên trung bình 47 ngày năm 2007 và 38 ngày năm 2008. Độ trễ do khoảng thời gian này gây ra làm giảm tính kịp thời của thông tin tài chính. Tuy nhiên, tín hiệu cho thấy sự tích cực trong công bố báo cáo tài chính sớm năm 2008 so với 2007.

#### **2.3.2.2 Sự thuận tiện**

Kết quả thống kê cho thấy sự thuận tiện của các thông tin tài chính công bố hiện nay còn thấp, người sử dụng thông tin không dễ dàng tiếp cận thông tin tài chính từ nguồn đáng tin cậy mà phải qua trung gian. Hơn nữa khi có thông tin thì việc xử lý cũng rất khó khăn vì phải sử dụng các công cụ khác để chuyển đổi dữ liệu hoặc nhập lại dữ liệu bằng tay vào các chương trình phân tích. Vấn đề nữa là khả năng tiếp cận trực tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài thấp do các báo cáo chỉ bằng tiếng Việt.

### **2.3.2.3 Sự chính xác**

Thống kê cho thấy 92% các công ty trong mẫu khảo sát có phát sinh chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán. Chênh lệch thấp nhất 1.3 triệu đồng, chênh lệch cao nhất đến gần 203 tỷ đồng, trung bình chênh lệch 8.6 tỷ đồng. Các kết quả cho thấy mức độ chính xác trong số liệu trên các báo cáo tài chính trước kiểm toán rất thấp, điều này làm giảm sự minh bạch của các thông tin tài chính công bố.

### **2.3.2.4 Sự đầy đủ, nhất quán**

Năm 2007, hầu ý kiến đều là chấp nhận toàn phần, chiếm 85.4%, năm 2008 tỷ lệ này là 73%. Xét về hình thức các báo cáo tài chính công bố của các công ty niêm yết đảm bảo tính minh bạch thông qua số lượng đầy đủ của các báo cáo, thông tin công bố, tính nhất quán trong áp dụng chính sách kế toán và trình bày thông tin dưới dạng so sánh được. Điểm thiếu minh bạch dẫn đến các ý kiến loại trừ của kiểm toán viên hầu hết do thiếu các cơ sở hoặc tài liệu cung cấp để xác minh các số liệu do các công ty đã trình bày trên báo cáo tài chính, điều đó cũng tương đồng với sự minh bạch thông tin tài chính ở mức độ thấp.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Ba đặc điểm chung về hệ thống kiểm soát và sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết hiện tại là: sự minh bạch thông tin tài chính công bố ở mức độ kém, các công ty niêm yết còn chưa chủ động tạo sự minh bạch thông tin và Hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố chưa đầy

đủ. Trong chương 2 cũng trình bày các kết quả khảo sát về các thành phần ảnh hưởng đến và sự minh bạch thông tin tài chính dựa trên mẫu 154 công ty niêm yết được lựa chọn. Các kết quả khảo sát cũng cho các bằng chứng xác thực để khẳng định các đặc điểm đã nêu và xác định mối quan hệ giữa các thành phần ảnh hưởng đến sự minh bạch thông tin tài chính công bố.

Dựa trên các kết quả khảo sát thực tế và các kết luận trong nội dung cơ sở lý luận cho thấy cần thiết phải xác định, xây dựng và vận hành một hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết tại Việt nam.

### **CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT SỰ MINH BẠCH THÔNG TIN TÀI CHÍNH CÔNG BỐ CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT**

#### **3.1 Quan điểm của các đề xuất**

Phải phù hợp với môi trường kinh doanh, pháp lý Việt nam, đáp ứng yêu cầu phát triển và bền vững của thị trường chứng khoán, bên cạnh đó phải phù hợp xu thế hội nhập và tăng cường áp dụng công nghệ thông tin.

#### **3.2 Xác lập mô hình hệ thống**

##### **3.2.1 Mô hình hệ thống**

Các nội dung cần xác lập cho mô hình hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố trên cơ sở định nghĩa của West Churman (1968) bao gồm: Mục tiêu hệ thống, các thành phần hệ thống và quá trình xử lý của hệ thống.

### 3.2.1.1 Mục tiêu

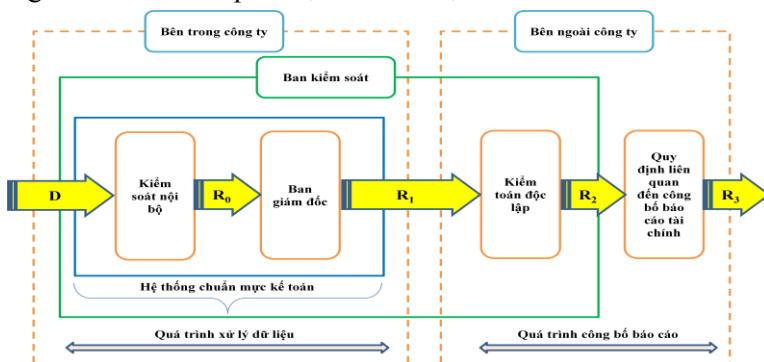
Các thông tin tài chính cung cấp đến người sử dụng phải đạt được các đặc tính chất lượng đại diện cho sự minh bạch, bao gồm: sự chính xác, sự kịp thời, sự thuận tiện, sự đầy đủ và sự nhất quán.

### 3.2.1.2 Các thành phần của hệ thống

Là các thành phần có tác động và chi phối đến quá trình hình thành các thông tin tài chính và các đặc tính đại diện cho sự minh bạch thông tin tài chính. Dựa trên mô hình chuỗi cung ứng báo cáo tài chính, chúng tôi xác định các thành phần chủ yếu của hệ thống bao gồm: Hệ thống chuẩn mực kế toán, Các quy định liên quan đến công bố báo cáo tài chính, Hệ thống kiểm soát nội bộ, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kiểm toán độc lập.

### 3.2.1.3 Quá trình xử lý

Dựa trên phân tích về quá trình xử lý dữ liệu và quá trình công bố báo cáo tài chính trình bày trong nội dung chuỗi cung ứng báo cáo tài chính, chúng tôi xác lập quá trình xử lý của hệ thống bao gồm 05 bước có quan hệ liên kết chặt chẽ với nhau



Hình 3.2: Quá trình xử lý

### **3.2.2 Xác lập cơ chế vận hành**

### **3.2.3 Cơ chế tương tác và phối hợp giữa các thành phần của hệ thống**

Cơ chế tương tác và phối hợp của hệ thống như sau:

Ban giám đốc xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính đảm bảo tuân thủ và dựa trên các chuẩn mực kế toán và quy định về công bố báo cáo tài chính. Ban kiểm soát chính là bộ phận hỗ trợ Ban giám đốc trong việc thực thi kiểm tra và giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ này. Kiểm toán độc lập sẽ dựa trên các khẳng định của Ban giám đốc đối với các thông tin tài chính, đã trải qua quá trình xử lý dữ liệu kế toán và kiểm tra của hệ thống kiểm soát nội bộ, để thiết lập các mục tiêu kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, Kiểm toán độc lập cũng tiến hành kiểm tra và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát đảm bảo cho các hoạt động của kiểm toán độc lập được tiến hành thuận lợi và đảm bảo tính độc lập trong cung cấp dịch vụ của kiểm toán độc lập.

### **3.3 Các kiến nghị và giải pháp để tổ chức và vận hành hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết tại Việt nam**

#### **3.3.1 Nhóm kiến nghị đối với Bộ tài chính bao gồm:**

- Sửa đổi, cập nhật và ban hành mới các chuẩn mực kế toán;
- Ban hành quy định, hướng dẫn về kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính trong các công ty niêm yết.

- Sửa đổi, cập nhật và ban hành mới các chuẩn mực kiểm toán và kiểm soát chất lượng kiểm toán.

### **3.3.2 Nhóm kiến nghị đối với cơ quan quản lý thị trường chứng khoán bao gồm:**

#### **3.3.2.1 Sửa đổi, bổ sung quy chế công bố thông tin**

##### **❖ Về chế tài đối với công bố báo cáo tài chính trễ hạn:**

Trong đó, sẽ cảnh báo bằng dấu hiệu trên bảng điện tử nếu chậm nộp báo cáo tài chính có lý do nhưng không quá 30 ngày hoặc chậm nộp báo cáo tài chính không có lý do nhưng không quá 03 ngày.

Áp dụng phạt tiền đối với các công ty chậm nộp báo cáo tài chính nếu chậm nộp báo cáo tài chính có lý do nhưng vượt quá 30 ngày hoặc Chậm nộp báo cáo tài chính không có lý do nhưng quá 03 ngày.

##### **❖ Về nội dung công bố báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm:**

Bắt buộc công bố báo cáo tài chính được lập trên cơ sở so sánh và kèm theo báo cáo phân tích tài chính của Ban giám đốc trong từng kỳ công bố báo cáo nêu rõ các biến động và thay đổi các chỉ tiêu về thành quả thực hiện và giá trị tài sản trong kỳ.

##### **❖ Về báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính:**

Bắt buộc Ban giám đốc của công ty niêm yết trình bày đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính trong công bố báo cáo tài chính hàng năm.

❖ **Về chênh lệch số liệu trên báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán:**

Ban hành mức khống chế đối với các chênh lệch số liệu trên báo cáo tài chính năm trước và sau kiểm toán và ban hành chế tài đối với các công ty nếu vi phạm các mức khống chế dưới hình thức bắt buộc làm văn bản giải trình nêu rõ lý do và có xác nhận của kiểm toán độc lập về sự hợp lý của các lý do. Nếu không có văn bản giải trình Bằng điện tử giao dịch mã chứng khoán của các công ty đó sẽ xuất hiện dấu hiệu cảnh báo không minh bạch cho đến khi các giải trình của công ty được xem xét.

**3.3.2.2 Thống nhất nội dung các văn bản pháp luật chi phối đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát**

Xây dựng và ban hành điều lệ của Ban kiểm soát theo thông lệ quốc tế nhằm nâng cao vai trò của Ban kiểm soát trong quá trình lập, trình bày và công bố báo cáo tài chính.

**3.3.2.3 Rút ngắn thời gian công bố**

Quy định về ngày hoàn tất và công bố báo cáo tài chính sau khi điều chỉnh như sau:

*Bảng 3.3: Bảng đề xuất ngày hoàn thành và công bố báo cáo tài chính*

<b>Loại báo cáo</b>	<b>Ngày hoàn tất và công bố</b>
Báo cáo tài chính quý	20
Báo cáo tài chính bán niên	30
Báo cáo tài chính năm	90

### 3.3.2.4 Thống nhất dạng dữ liệu công bố

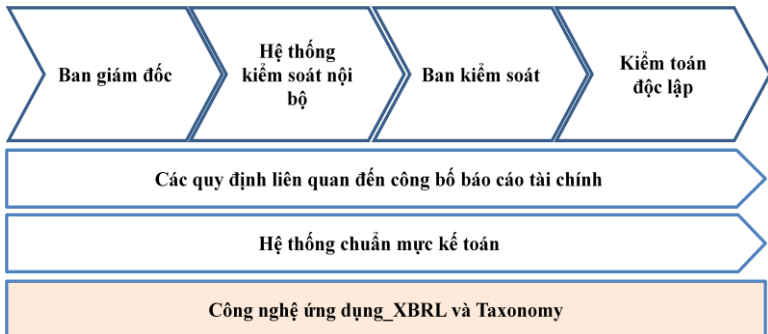
Áp dụng thống nhất định dạng file dữ liệu công bố theo danh mục sau:

*Bảng 3.4: Bảng tổng hợp định dạng dữ liệu công bố*

Tên báo cáo	Định dạng file
Bảng cân đối kế toán	.xls
Báo cáo kết quả kinh doanh	.xls
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	.xls
Thuyết minh báo cáo tài chính	.doc hoặc .pdf
Báo cáo kiểm toán	.pdf

### 3.3.2.5 Sử dụng định dạng chuẩn theo thông lệ quốc tế cho các báo cáo tài chính

Khi áp dụng XBRL, hệ thống kiểm soát sự minh bạch sẽ có thêm một thành phần nữa và thành phần này sẽ cùng với Hệ thống chuẩn mực kế toán và các quy định liên quan đến công bố báo cáo tài chính tạo nên cơ sở cho quá trình tương tác giữa các thành phần còn lại để hướng tới sự minh bạch cao hơn.

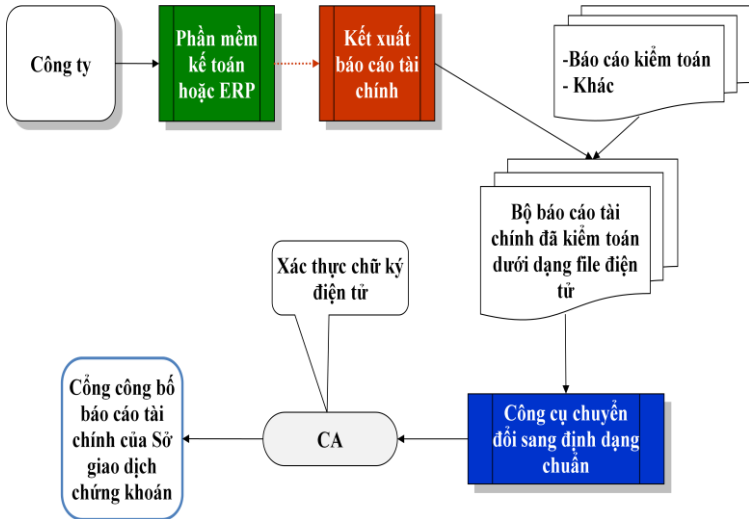


*Hình 3.4: XBRL và hệ thống kiểm soát sự minh bạch*



### 3.3.2.6 Phương tiện công bố

Quy trình công bố báo cáo tài chính mới qua cổng (Portal) công bố báo cáo tài chính của Sở giao dịch như sau:



Sơ đồ 3.2: Quy trình công bố báo cáo đề nghị

### 3.3.2.7 Xây dựng chỉ số đánh giá mức độ minh bạch thông tin tài chính

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt nam chúng ta có thể áp dụng chỉ số GTI đang được áp dụng tại Singapore, Malaysia và một số nước trong khu vực.

### 3.3.3 Nhóm giải pháp đối với các công ty niêm yết bao gồm:

Tập trung vào giải quyết các vấn đề có liên quan đến các thành phần ảnh hưởng đến sự minh bạch thông tin tài chính trong các công ty bao gồm: *Xây dựng văn hóa chính trực, trách nhiệm giải trình và minh bạch; Gia tăng tính độc lập của Ban kiểm*

*soát; Xây dựng chương trình thực hiện và đánh giá đối với Ban kiểm soát; Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính và Xây dựng hệ thống quy định nội bộ về công bố báo cáo tài chính.*

### **3.3.4 Đối với các công ty kiểm toán**

Nghiên cứu và áp dụng các kỹ thuật kiểm toán dựa trên sự hỗ trợ của máy tính để rút ngắn thời gian kiểm toán. Hiện trên thế giới đã hình thành khái niệm kiểm toán liên tục (Continuous Auditing) có nghĩa là kiểm toán viên sẽ xác nhận dữ liệu ngay sau khi dữ liệu kế toán được hoàn tất. Quy trình áp dụng và thực hiện kiểm toán liên tục cũng được đề xuất để làm cơ sở thực hiện chi các công ty kiểm toán.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Trong chương này chúng tôi đã đề xuất và giải trình về cơ chế hoạt động của hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính, theo đó hệ thống kiểm soát sự minh bạch bao gồm sáu thành phần: Hệ thống chuẩn mực kế toán, các quy định liên quan đến công bố báo cáo tài chính, ban giám đốc, ban kiểm soát, hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán độc lập. Chúng tôi cũng đề xuất các kiến nghị và giải pháp nhằm xây dựng và vận hành hệ thống này.

Tương lai minh bạch của thông tin tài chính công bố sẽ trở thành hiện thực chỉ khi tất cả các đối tượng có liên quan đến chuỗi cung ứng báo cáo tài chính đã xác định trong hệ thống kiểm soát sự minh bạch được nhận thức đầy đủ và có sự phối hợp hành động với sự chính trực.

## KẾT LUẬN

Điều quan trọng nhất của bất cứ báo cáo tài chính công bố nào cũng chính là sự minh bạch, đó là những nỗ lực để truyền đạt đến mọi người cách thức mà công ty tạo ra giá trị.

Dựa trên các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, luận án đã tổng hợp và phân tích các cơ sở lý luận và tiến hành khảo sát về các nội dung có liên quan để xác định các thành phần, mối quan hệ và cơ chế hoạt động của hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố từ các công ty niêm yết. Trên cơ sở đó luận án đã xác định được và đề xuất các giải pháp xây dựng, vận hành hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính bao gồm sáu (06) thành phần có mối quan hệ tương hỗ với nhau tác động đến sự minh bạch thông tin tài chính theo cơ chế phối hợp giữa các yếu tố bên trong và bên ngoài công ty. Bên cạnh đó, luận án đã xác định được thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết tại Việt nam đã đạt những kết quả nhất định về mức độ minh bạch thể hiện qua việc hoàn tất báo cáo tài chính theo quy định, cải thiện thời gian công bố, đầy đủ các nội dung và đạt được các ý kiến chấp nhận về sự trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại do thiếu minh bạch có thể gây ra các rủi ro cho người sử dụng khi ra các quyết định kinh tế.

Luận án cũng còn những hạn chế về phạm vi, mẫu và thời gian khảo sát, tuy nhiên các nội dung này cũng đã được xác định để định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo.